

## SINH KẾ VÀ THÍCH ỨNG SINH KẾ CỦA NGƯỜI HÔNG Ở THÔN PÚ DÔ, XÃ QUANG HÁN, HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG HIỆN NAY<sup>1</sup>

TS. Nguyễn Thị Tám

Viện Dân tộc học

Email: hongtam.ls89@gmail.com

**Tóm tắt:** Sinh kế là nền tảng phát triển của đời sống con người. Sinh kế phụ thuộc chặt chẽ vào biến đổi tài nguyên, môi trường sống và điều kiện phát triển xã hội. Thích ứng sinh kế là xu hướng tất yếu diễn ra khi điều kiện sống thay đổi. Bài viết phân tích một số hoạt động sinh kế của người Hmông ở thôn biên giới Pú Đô, xã Quang Hán, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng hiện nay, bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, trao đổi mua bán, bốc vác và vận chuyển hàng hóa qua biên giới. Từ đó nhận diện những cách ứng xử riêng của tộc người này với môi trường và điều kiện kinh tế, xã hội địa phương cũng như khả năng linh hoạt, nhạy bén với kinh tế thị trường của người Hmông trong bối cảnh hội nhập và đại dịch COVID-19.

**Từ khóa:** Sinh kế, thích ứng sinh kế, người Hmông, biên giới, tỉnh Cao Bằng.

**Abstract:** Livelihood is the foundation for the development of human life. Livelihood is closely dependent on changes in resources, the living environment, and social development conditions. Livelihood adaptation is inevitable when living conditions change. The article analyses some livelihood activities of the Hmong people in the border village of Pu Do, Quang Han commune, Trung Khanh district, Cao Bang province today, including cultivation, husbandry, bartering, loading, unloading, and transporting goods across borders. From there, identifies the unique behaviours of this ethnic group to the environment and local economic and social conditions as well as the ability to be flexible and sensitive to the market economy of the Hmong in the context of the international integration of Vietnam and the COVID-19 pandemic.

**Keywords:** Livelihood, livelihood adaptation, Hmong people, border, Cao Bang province.

Ngày nhận bài: 4/7/2022; ngày gửi phản biện: 8/7/2022; ngày duyệt đăng: 6/8/2022.

---

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả của đề tài khoa học cấp Bộ “Ảnh hưởng văn hóa của một số tộc người ở Trung Quốc đến người Nùng và người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trần Thị Mai Lan làm chủ nhiệm năm 2021-2022.

## Mở đầu

Độc tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc có 24 tộc người cư trú với 3 sắc thái văn hóa chính: Văn hóa của các dân tộc Tày, Nùng; Văn hóa của dân tộc Hmông; Văn hóa của một số dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến (Vương Xuân Tình chủ biên, 2014, tr. 88). Bức tranh văn hóa mưu sinh của các tộc người nơi đây phụ thuộc và phản ánh môi trường, địa vực cư trú và những thói quen sinh hoạt của vùng biên giới. Cư trú ở vùng biên cương, người Hmông tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã và đang có sự lựa chọn để tạo ra những sinh kế phù hợp với điều kiện vùng biên giới và tập quán văn hóa tộc người trong bối cảnh hội nhập. Người dân đã điều chỉnh và đa dạng hóa các hoạt động sinh kế nhằm tận dụng những cơ hội hiện có, điều này giúp họ có thêm thu nhập để ổn định cuộc sống, nhưng cũng đặt ra và tiềm ẩn những rủi ro, thách thức.

Huyện Trùng Khánh nằm ở phía đông bắc tỉnh Cao Bằng, có đường biên giới đất liền dài 62 km giữa Việt Nam và Trung Quốc. Đây là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc, trong đó có người Hmông. Trong hai đợt khảo sát thực địa tháng 11/2021 và tháng 4/2022, chúng tôi đã tìm hiểu về đời sống sinh kế và biến đổi sinh kế của người Hmông ở thôn biên giới Pú Đô, xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh, đặc biệt trong thời gian bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 kéo dài. Sinh kế của các cá nhân và hộ gia đình người Hmông luôn trong quá trình thay đổi do các cơ hội kiếm sống và tài sản/của cải giữa các thôn cũng như giữa các mùa và các năm luôn thay đổi (Hapke và Ayyankeril, 2004; Forsyth và Michaud, 2011). Đối với người Hmông sinh sống ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, để lựa chọn hợp lý các kế sinh nhai trong hoàn cảnh thiếu thông tin đòi hỏi có sự linh hoạt và tính sáng tạo. Nông dân Hmông rất năng động và không cứng nhắc trong việc này (Mueggler, 1998; Harrell, 2002; Rambo và Jamieson, 2003). Khi cuộc sống bị đe dọa, họ luôn tìm cách thích nghi một cách tốt nhất. Các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng người Hmông ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc ra quyết định sinh kế dựa theo bối cảnh luôn thay đổi nhằm lựa chọn và tìm ra phương án được coi là phù hợp, hiệu quả. Bài viết này giới thiệu và phân tích một số hoạt động sinh kế nổi bật của người Hmông ở thôn biên giới Pú Đô, xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng trong thời gian bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, từ đó bước đầu làm sáng tỏ thích ứng sinh kế cũng như đưa ra một số nhận xét, đánh giá về thích ứng sinh kế của tộc người nghiên cứu trong bối cảnh hiện nay.

Xã Quang Hán nằm ở phía tây bắc của huyện Trùng Khánh, được sáp nhập bởi hai xã Cô Mười và Quang Hán của huyện Trà Lĩnh cũ vào tháng 3 năm 2020. Xã có 13 thôn với 3.908 người, thành phần dân tộc chủ yếu là người Nùng và người Hmông. Thôn Pú Đô có 66 hộ, 344 khẩu đều là người Hmông (nhóm Trắng). Thôn có một nửa số hộ theo Tin Lành từ năm 2009, đời sống kinh tế truyền thống gắn chặt với nông nghiệp, lấy trồng trọt trên nương rẫy làm nền tảng. Từ năm 2012 trở lại đây, người Hmông tại Pú Đô đã thay đổi chiến lược sinh kế như mở rộng và cải tạo những khu vực đất xấu; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; đẩy

mạnh chăn nuôi vỗ béo trâu, bò; tham gia nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế biên mậu... để thích ứng với bối cảnh hội nhập và những diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19.

## **1. Sinh kế và thích nghi sinh kế trồng trọt**

### ***1.1. Mở rộng và cải tạo diện tích đất sản xuất***

Cũng như các tộc người khác, người Hmông ở thôn biên giới Pú Đô nói riêng và ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nói chung luôn coi trọng trồng trọt. Đất đai đối với họ là nguồn vốn tự nhiên và tư liệu sản xuất cơ bản không thể thiếu. Người Hmông ở biên giới tỉnh Cao Bằng cư trú tại những vùng núi cao, nhiều đá vôi nên đất xấu và thiếu đất canh tác là tình trạng phổ biến. Đặc điểm địa hình và đất đai đó buộc người Hmông phải tận dụng tối đa những mảnh đất có thể canh tác được ở hầu hết mọi địa hình để trồng các loại cây phù hợp. Từ điều kiện thực tế địa phương, thời gian qua tỉnh Cao Bằng đã thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số bằng cách vận động các cộng đồng dân tộc anh em, trong dòng họ hỗ trợ nhau và giúp nhau đất ở, đất sản xuất; đẩy mạnh khai hoang, cải tạo một số diện tích đất nương rẫy, đất đồi, tạo quỹ đất cấp cho hộ gia đình thiếu đất; hỗ trợ kinh phí để đồng bào học nghề, chuyển đổi nghề; giao khoán và bảo vệ rừng. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ thiếu đất ở, đất sản xuất được hỗ trợ còn thấp. Số hộ được hỗ trợ đất ở chỉ đạt 10,7%, hỗ trợ đất sản xuất chỉ đạt 12,3% kế hoạch đề ra theo Quyết định 134 (Trần Hồng Hạnh, 2018, tr. 244-245).

Mua đất, thuê đất cũng là cách thích ứng được người Hmông lựa chọn để bổ sung và mở rộng diện tích đất sản xuất của hộ gia đình. Mong muốn là vậy, nhưng trong thực tế, do đất đai khan hiếm và điều kiện kinh tế khó khăn nên không nhiều hộ hiện thực hóa được điều này. Qua khảo sát ở thôn Pú Đô, chỉ một số hộ khá giả có thu nhập cao từ chăn nuôi vỗ béo trâu bò mới mua thêm được những mảnh nương của người Tày, người Nùng cùng xã để đầu tư trồng cỏ voi, cỏ mật phục vụ chăn nuôi. Gia đình bán đất thường là những hộ khác tộc có đời sống khó khăn, thiếu lao động hoặc chuyển đi nơi khác nên chuyển nhượng lại cho những hộ người Hmông có điều kiện kinh tế khá giả và cần đất sản xuất. Cùng với mua đất sản xuất là thuê đất sản xuất. Theo thống kê của tác giả, tại thời điểm khảo sát tháng 4 năm 2022 có 6 hộ người Hmông trong thôn Pú Đô thuê đất của người Tày ở gần cửa khẩu Trà Lĩnh để trồng 1 vụ lúa nước và 1 vụ ngô. Người Hmông làm quen các chủ đất người Tày thông qua các buổi chợ phiên, qua trao đổi hàng hóa, từ đó biết họ đang có đất chưa sử dụng và đề nghị xin được thuê. Mỗi vụ canh tác, người thuê đất thường trả chủ đất 1 bao thóc hoặc 1 bao ngô trọng lượng 50 kg trên diện tích 1 sào. Hết một năm sử dụng đất, nếu có nhu cầu, hai bên lại làm giao kèo thỏa thuận mới.

### ***1.2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng***

Giống như ở nhiều dân tộc thiểu số khác, khi thiếu đất hoặc khi khả năng mở rộng, phục hồi đất sản xuất khó khăn thì chuyển đổi cơ cấu cây trồng để phát triển kinh tế là thích

ứng của nhiều hộ người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng được thực hiện theo các hướng:

- *Chuyển đổi từ loại giống cây trồng cũ có năng suất thấp sang loại giống cây trồng mới có năng suất cao và khả năng chống chịu sự thay đổi của khí hậu tốt.*

Tại thôn Pú Dô, do diễn biến thời tiết phức tạp, ít mưa nên nhiều mảnh ruộng thiếu nước, nhất là lúa cấy xong thường thiếu nước nghiêm trọng. Trước khó khăn về nguồn nước, Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh đã chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các xã xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác thủy lợi trên địa bàn, đảm bảo cung cấp đủ nước phục vụ nông dân gieo mạ và cấy lúa. Với các khu ruộng thiếu nước lâu dài và trầm trọng, người dân đã chuyển từ giống lúa dài ngày sang gieo cấy các giống lúa ngắn ngày, có khả năng chịu hạn, chống sâu bệnh tốt, cho năng suất cao, hoặc trồng một số cây hoa màu chịu hạn thay lúa như ngô lai, đỗ tương, khoai lang.

Thích ứng với điều kiện khí hậu, trên các mảnh đất canh tác, người Hmông gieo trồng 2 vụ/năm, gồm vụ xuân và vụ hè thu. Trong vụ xuân, người dân trồng khô các loại cây hoa màu, chủ lực là cây ngô, kết hợp cây khoai lang và cây đậu tương. Giống ngô gồm hai loại là ngô địa phương và ngô lai, trong đó ngô lai từng bước được phát triển thay thế ngô địa phương. Các giống ngô lai thường được bà con gieo trồng là dòng CP, chủ yếu là CP501, CP511, CP311. Trong vụ hè thu, thời gian trùng với mùa mưa, người Hmông chuyển sang gieo trồng lúa nước. Những năm gần đây, bên cạnh giống lúa trong nước, người Hmông dần chuyển sang gieo cấy các giống lúa Khang Dân đột biến và Nhị Ưu 838 của Trung Quốc. Đây là quá trình du nhập tự thích ứng, không qua con đường chính thống. Giống lúa Khang Dân đột biến được trồng nhiều hơn, có ưu điểm chống được sâu bệnh đục thân và thuốc diệt cỏ, tuy nhiên gạo không ngon và năng suất không cao. Giống Nhị Ưu 838 có đặc tính cơm ngon nhưng năng suất bấp bênh không ổn định (Hoàng Ngôi, 2018). Từ khi xuất hiện đại dịch COVID-19, các giống lúa xuất xứ từ Trung Quốc không sang được Việt Nam, người dân quay lại sử dụng những giống lúa địa phương và các giống lúa mới trong nước do ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đưa về, trong đó giống lúa lai 3 dòng PHB-71 được gieo trồng nhiều, được người Hmông thôn Pú Dô đánh giá có năng suất cao, phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu khô hạn của vùng hiện nay.

Đến vụ mùa 2021, huyện Trùng Khánh đã đưa 100% giống ngô lai, 43% giống lúa lai vào diện tích gieo trồng. Anh Lâu V.L., thôn Pú Dô, xã Quang Hán cho biết: *“Trên diện tích gieo cấy 2.300m<sup>2</sup>, tôi sử dụng 2 loại giống, gồm giống lúa thuần địa phương, giống lúa lai 3 dòng PHB-71. Từ đầu vụ, theo hướng dẫn của cán bộ khuyến nông, tôi đã làm đúng các bước: 100% thóc giống được xử lý trước khi ngâm để hạn chế sâu bệnh phát sinh; việc làm đất, gieo mạ, cấy được tiến hành cùng một thời điểm, từ đó chủ động được nước tưới, thuận tiện cho việc chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh, giảm chi phí sản xuất, nhờ vậy năng suất và sản lượng lúa tăng so với năm trước”* (PVS., tháng 12/2021). Chị Lý T.T., dân tộc Hmông

thôn Pú Dô cho biết: “*Đây là vụ thứ 2 tôi đưa giống lúa lai 3 dòng PHB-71 vào gieo cấy. PHB-7 là giống lúa có khả năng chống hạn, chống đổ tốt, đẻ nhánh tập trung, ít nhiễm bệnh, đặc biệt là bệnh bạc lá, bông lúa to, dài, phù hợp với chất đất địa phương. Vì vậy, giống lúa lai 3 dòng được nhiều người dân lựa chọn trong vụ mùa*” (PVS., 12/2021).

*- Chuyển đổi từ trồng cây lương thực sang trồng các loại cỏ phục vụ chăn nuôi*

Thích hợp với địa hình cảnh quan nhiều đồi núi, nhiều bãi đất, từ năm 2015 đến nay, người Hmông tại điểm nghiên cứu đã đẩy mạnh trồng cỏ để phát triển chăn nuôi gia súc. Từ vài hộ trồng cỏ ban đầu, đến nay toàn xã Quang Hán đã có trên 80% số hộ chuyển đổi đất trồng cây lương thực kém hiệu quả sang trồng cây cỏ voi và cỏ VA06 phục vụ chăn nuôi trâu bò. Nhiều hộ còn tận dụng những khu đất trồng, các bãi ven suối, ven đường để trồng cỏ chăn nuôi. Trồng cỏ giúp chăn nuôi gia súc nhốt chuồng giảm thiểu công lao động và mang lại hiệu quả cao hơn so với thả gia súc truyền thống. Cỏ voi và cỏ VA06 có hàm lượng dinh dưỡng cao hơn so với các loại cỏ tự nhiên, cũng là hai giống cỏ cho năng suất cao, có khả năng tái sinh, chống chịu hạn hán, sâu bệnh tốt, phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng ở địa phương. Các giống cỏ này đang mang lại hiệu quả tích cực trong hoạt động chăn nuôi. Hiện nay, ở thôn Pú Dô, các gia đình có đàn gia súc phát triển đều trồng từ 1 ha cỏ voi trở lên; hộ trồng nhiều nhất là 1,5 ha, hộ trồng ít nhất trồng 300 m<sup>2</sup>, như gia đình anh Lầu V.T, xóm Pú Dô, sau 2 năm mở rộng hiện đã có diện tích 1,5 ha cỏ voi, đảm bảo thức ăn cho 8 con bò.

*- Chuyển đổi giống cây trồng từ dài ngày sang ngắn ngày, tăng hệ số sử dụng đất và sản lượng trồng trọt*

Bên cạnh lúa và ngô, người Hmông ở Cao Bằng nói chung và thôn Pú Dô nói riêng trồng nhiều khoai lang để đáp ứng nhu cầu lương thực và phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trước đây người dân trồng giống khoai địa phương nhiều bột, ăn thơm ngon nhưng năng suất thấp, thời gian sinh trưởng lại dài (5 tháng) nên những năm gần đây người dân chuyển sang trồng giống khoai lang lai. Người Hmông ở Pú Dô xin giống của những người Nùng ở thôn bên cạnh, là giống khoai lang được du nhập từ những phụ nữ Nùng lấy chồng bên Trung Quốc. Giống khoai lai có thời gian sinh trưởng chỉ 3 tháng, sai củ, củ to, nhiều bột, năng suất cao, được người dân ưa chuộng và đánh giá là phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng địa phương. Nhờ khoai lang giống mới có thời gian sinh trưởng ngắn nên trên mỗi diện tích đất người dân có thể tăng thêm một vụ rau xanh mỗi năm để phục vụ nhu cầu thực phẩm cho gia đình. Với việc đưa cây khoai lang lai vào sản xuất, sản lượng cây trồng trên một diện tích đất sản xuất tăng lên cùng với hệ số sử dụng đất cũng tăng từ 2 vụ/năm lên 3 vụ/năm.

*- Chuyển đổi từ đất ruộng trồng lúa nước sang đất khô trồng cây lương thực hàng năm và cây ăn quả lâu năm*

Tại các thửa ruộng và chân nương đất xấu, người dân thực hiện chuyển đổi đất trồng

lúa kém hiệu quả, khó chủ động tưới tiêu sang trồng các loại cây lương thực, thực phẩm hàng năm nhằm khắc phục những rủi ro do thiên tai và có giống cây trồng phù hợp, tăng giá trị và sản lượng nông sản. Đến năm 2021, các chân ruộng cạn cuối cùng của người Hmông ở thôn Pú Đô đã được chuyển từ ruộng nước sang trồng các loại cây phi lúa như ngô, lạc, đỗ tương, rau xanh. Cùng với đó, thực hiện chủ trương của tỉnh Cao Bằng, người Hmông trong tỉnh và ở thôn Pú Đô đã ứng dụng một số kỹ thuật công nghệ sinh học để bảo tồn và phát triển nguồn giống đủ chuẩn đối với các loại cây ăn quả lâu năm như cam, quýt. Dù chưa phổ biến nhưng tại các thôn người Hmông ở huyện Trùng Khánh đã và đang đưa cây cam, cây quýt vào các mảnh vườn nhà, vừa phục vụ nhu cầu trong gia đình, vừa mang ra chợ bán phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế hàng hóa. Nhờ áp dụng một số kỹ thuật công nghệ mới, năng suất các loại cây được trồng tại địa phương này ổn định và dần tăng lên. Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ đã giúp kéo dài thời gian bảo quản nông sản hàng hóa đến 6 tuần, từ đó cam, quýt được giữ tươi trong nhiều ngày, thuận lợi cho lưu thông, phân phối nông sản hàng hóa.

## 2. Chăn nuôi và thích nghi sinh kế trong chăn nuôi

Hiện nay, trong hoạt động chăn nuôi, người Hmông kết hợp giữa nuôi vật nuôi truyền thống với vật nuôi mới du nhập. Dù năng suất thấp nhưng vật nuôi truyền thống như trâu, bò, lợn, gà, vịt còn được duy trì do gia súc, gia cầm địa phương có sức chống chịu cao với dịch bệnh, chất lượng thịt thơm ngon, phục vụ nhu cầu sinh hoạt và cúng lễ gia đình. Bên cạnh các vật nuôi truyền thống, thời gian qua người Hmông huyện Trùng Khánh nói chung và người Hmông thôn Pú Đô nói riêng đã dần chuyển sang chăn nuôi giống mới và theo kỹ thuật mới như bò lai, gà lai, lợn lai công nghiệp là chủ yếu.

Trong chăn nuôi gia súc, đáng chú ý ở người Hmông tỉnh Cao Bằng nói chung và người Hmông thôn Pú Đô nói riêng những năm trước và trong đại dịch COVID-19 là hoạt động nuôi trâu, bò lai vỗ béo để bán ra thị trường, đặc biệt là cho các thương lái Trung Quốc. Sinh kế này đã đem lại nguồn thu đáng kể, góp phần cải thiện đời sống cho nhiều hộ dân, cũng là bước chuyển tích cực và đáng khích lệ của chăn nuôi từ tự túc sang hàng hóa ở người Hmông tỉnh Cao Bằng trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới.

Để có trâu, bò nuôi vỗ béo, người dân thường đến mua tại chợ huyện Trà Lĩnh hoặc thành phố Cao Bằng - hai nơi tập trung các loại gia súc do các lái buôn dưới đồng bằng đưa lên. Trâu bò mua để nuôi vỗ béo thường đã già, sinh sản kém và không còn khả năng làm sức kéo. Cùng với mua gia súc vỗ béo tại chợ, thích ứng với điều kiện đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, người Hmông còn mua gia súc vỗ béo thông qua internet, một trong những địa chỉ facebook thông dụng và tin cậy là “Hội mua bán trâu bò tỉnh Cao Bằng”. Theo thông tin từ anh Lý V. L., “*Mấy năm nay do dịch COVID-19 căng thẳng nên các lái buôn trâu bò không thể đi tỉnh khác tìm mua được. Có những tháng giãn cách xã hội cao điểm chúng tôi còn không ra huyện khác được. Vì thế, tìm trâu bò thông qua các hội nhóm trên mạng xã hội là lựa chọn và phương thức hiệu quả. Ai muốn bán hay mua trâu, bò cứ đăng bài kèm theo hình ảnh lên nhóm. Nếu hai bên*

*mua bán thuận ý thì có thể bố trí gặp nhau tại một địa điểm cụ thể để thực hiện giao dịch” (PVS., tháng 12/2021).*

Khi mua được trâu bò lai cần vồ béo, người Hmông đưa về nhốt riêng trong chuồng, bởi chế độ thức ăn và phòng bệnh khác biệt so với vật nuôi sinh sản. Thời gian nuôi vồ béo khoảng 3-5 tháng. Khẩu phần ăn có hàm lượng dinh dưỡng cao, gồm cỏ voi là chính trộn lẫn với thức ăn công nghiệp, cám gạo, cám ngô và bột khoai lang, đảm bảo trâu, bò nhanh chóng có thể trạng và chất lượng tốt đáp ứng yêu cầu trao đổi của các thương lái và thị trường Trung Quốc.

Nhờ phát triển chăn nuôi gia súc vồ béo, nhiều gia đình người Hmông đã thoát nghèo và vươn lên làm giàu. Hộ gia đình anh Lầu V. L., sinh năm 1982, dân tộc Hmông đã có thu nhập bình quân 90 - 100 triệu đồng/năm từ chăn nuôi trâu bò vồ béo. Anh cho biết: *“Trước kia gia đình chỉ trông chờ vào nương ngô và ít diện tích cấy lúa nên thường bị thiếu ăn khi giáp vù. Từ năm 2012, nhờ được hỗ trợ về vốn và chuyển giao kỹ thuật chăn nuôi, gia đình tôi đã chuyển đổi gần 1ha đất trồng ngô kém hiệu quả sang trồng cỏ và mua thêm bò giống mới về nuôi. Ngoài chăn nuôi bò trang trại, gia đình tôi còn tập trung nuôi bò vồ béo. Nhờ đó, từ năm 2015 đến nay, gia đình đã thoát nghèo và hiện đã có nguồn tích lũy” (PVS., tháng 12/2021).* Tương tự là hộ gia đình anh Lầu V.T., sinh năm 1985, thôn Pú Dô, dân tộc Hmông, năm 2019 đã có đàn trâu, bò nuôi vồ béo 10 con. Để có đủ nguồn thức ăn xanh cho gia súc vồ béo, từ năm 2016 đến nay anh đã trồng 800m<sup>2</sup> cỏ. Ngày trước, do chăn thả nên đàn bò chậm lớn, khi có cỏ voi, đàn bò nuôi nhốt vồ béo lớn nhanh, trở thành nguồn thu đáng kể cho kinh tế gia đình. Trừ chi phí, mỗi năm gia đình có thu nhập khoảng 80 triệu đồng. Từ hiệu quả ban đầu, năm 2020 anh đã thuê đất, mở rộng diện tích trồng cỏ lên thêm 1ha để phát triển đàn bò hàng hóa.

Trước triển vọng mới, thực hiện chủ trương của chính quyền xã Quang Hán, nhiều hộ gia đình Hmông đã chủ động khai hoang đất trồng, đòi trợ hoặc chuyển đổi đất trồng trọt kém hiệu quả sang trồng cỏ để phát triển trâu bò vồ béo hàng hóa. Chủ tịch UBND xã Quang Hán cho biết: *“Phát triển chăn nuôi gia súc gắn với trồng cỏ chăn nuôi gia súc nói chung và chăn nuôi trâu, bò vồ béo nói riêng đã mang lại hiệu quả thiết thực giúp người dân xã Quang Hán vươn lên thoát nghèo và từng bước làm giàu trong những năm trước khi có đại dịch COVID-19. Thời gian tới, Đảng bộ và chính quyền xã sẽ tiếp tục có các chủ trương khuyến khích người dân mở rộng diện tích trồng cỏ và xây dựng chuồng trại để phát triển chăn nuôi gia súc vồ béo” (PVS., tháng 12/2021).*

Để có thêm nguồn thức ăn cho gia súc vồ béo, nhiều hộ dân còn tận dụng thân các cây nông sản như ngô, lạc. Các phụ phẩm nông sản này được đem ủ chua, bảo đảm yêu cầu vệ sinh thức ăn gia súc. Chị Lý T.C., thôn Pú Dô chia sẻ: *“Trước đây, thu nhập chính của gia đình chị phụ thuộc vào trồng ngô, lúa và nuôi 1 - 2 con trâu lấy sức kéo. Nhưng năm 2012 thấy một số nhà làm ăn được từ nuôi vồ béo trâu, bò nên chị mạnh dạn vay vốn ngân hàng mua con giống, xây dựng chuồng trại chăn nuôi trâu, bò vồ béo hợp vệ sinh. Năm 2018, gia*

đình chi có 6 con trâu, bò. Để có nguồn thức ăn cho gia súc, ngoài tận dụng những sản phẩm trồng trọt như cây ngô, dây khoai lang, gia đình chi còn chuyển đất trồng ngô, lúa năng suất thấp sang trồng trên 1.600 m<sup>2</sup> cỏ voi. Trung bình 3 - 4 tháng, gia đình chi xuất chuồng 1 đợt. Trừ chi phí thu lãi 6 - 7 triệu đồng/con”.

Từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát, Trung Quốc đóng cửa biên giới, trâu, bò đã vỗ béo không bán được. Hoạt động chăn nuôi gia súc vỗ béo giảm sút đáng kể, gây thiệt hại kinh tế cho không ít hộ gia đình. Tháng 4/2022, đến nhà các hộ người Hmông đang nuôi trâu, bò vỗ béo, chúng tôi nhận được sự than thở của nhiều chủ hộ khi đàn trâu, bò đã vỗ béo còn nhốt trong chuồng. Trường hợp anh Hoàng V.Th., trước COVID-19 vay vốn ngân hàng 60 triệu đồng để đầu tư gia súc vỗ béo. Nhưng khi biên giới Trung Quốc đóng cửa, trâu bò không bán được, vẫn phải cho ăn, trong khi lãi ngân hàng gia đình vẫn phải trả.

### **3. Một số sinh kế và thích nghi sinh kế phi nông nghiệp**

#### **3.1. Mua bán, trao đổi trâu, bò**

Người Hmông ở các huyện biên giới tỉnh Cao Bằng thường mua bán các nông sản và vật nuôi, trong đó bán trâu bò qua biên giới là hoạt động sinh kế nổi bật đáng chú ý những năm gần đây. Vật nuôi trước khi đến tay các thương lái Trung Quốc thường qua các cuộc mua bán tại chợ huyện Trà Lĩnh, phiên chợ mua bán gia súc lớn nhất tỉnh Cao Bằng.

Chợ phiên Trà Lĩnh nằm bên đường ĐT211, thuộc thị trấn Hùng Quốc, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng. Chợ họp vào các ngày mùng 4, 9, 14, 19, 24 và 29 âm lịch hàng tháng. Có thể coi đây như là “sàn giao dịch trâu bò” có một không hai trong tỉnh. Chợ thu hút đông đảo thương lái đến từ Trung Quốc và các địa phương khác. Mục đích mua gia súc khá đa dạng và khác nhau như để mang sang Trung Quốc, để mổ thịt, để làm sức kéo, trao đổi trên thị trường nội địa, và đôi khi để làm trâu chọi. Chợ phiên cũng là dịp người dân gặp gỡ, học hỏi, trao đổi kỹ thuật chăn nuôi, kinh nghiệm mua bán, chọn giống gia súc, tham khảo giá cả thị trường. Hoạt động mua bán gia súc chợ Trà Lĩnh đã làm phát sinh một số dịch vụ khác như xe ôm, đổi tiền, bán cỏ, bơm nước tắm cho trâu bò,...

Ngoài mua bán, người dân còn trao đổi gia súc. Theo đó, những con nghé có thể được đổi lấy những con bê, những con trâu cái, bò cái nuôi sinh sản có thể được đổi lấy những con trâu đực, bò đực nuôi vỗ béo. Nếu giá trị hai con gia súc tương đương thì đổi ngang. Nếu giá trị hai con gia súc chênh lệch thì chủ gia súc có giá trị kém hơn sẽ bù cho chủ gia súc có giá trị cao hơn bằng tiền theo thỏa thuận. Để mua được giống gia súc trâu, bò, bê, nghé tốt, đòi hỏi phải có vốn tri thức kinh nghiệm dân gian, phải xem xét, lựa chọn kỹ càng tùy theo mục đích mua để vỗ béo hay làm giống sinh sản. Anh Lầu V.L., người Hmông thôn Pú Dô, xã Quang Hán cho biết: “Nếu mua về nuôi giống sinh sản hoặc làm sức kéo thì người mua thường chọn những trâu, bò đẹp, chân vững, móng tròn, mũi khít, lông mượt, không có xoáy ốc, xoáy hông, ... Với trâu, bò mua lấy thịt thì không cần cầu kỳ như chọn làm giống. Tiêu



chỉ lựa chọn là gia súc to, lông cứng, da xù xì, cho thấy đó là vật nuôi chắc, khỏe, nhiều thịt, xương nhỏ” (PVS., tháng 12/2021). Gia súc đã mua được đánh dấu bằng mực đỏ trên thân để người mua dắt đi. Gia súc chưa bán được thì chủ sẽ dắt về vỗ béo thêm để phiên chợ sau bán tiếp. Bà Lương T.N., sinh năm 1962, dân tộc Nùng, là người bán nước lâu năm tại chợ gia súc Trà Lĩnh cho biết: “Mỗi phiên chợ ở đây có khoảng 70 - 90 con trâu được mua bán. Giá một con trâu có thể là cả cơ nghiệp của người dân” (PVS., tháng 12/2021).

Trước đại dịch COVID-19, trâu bò sau thời gian vỗ béo hoặc sinh trưởng tốt, từ sáng sớm được đưa đến chợ Trà Lĩnh. Khách mua thuộc nhiều dân tộc. Ngoài các dân tộc Hmông, Tày, Nùng đến từ các vùng trong nội địa, còn có nhiều thương lái người Hán, người Choang từ Trung Quốc sang. Trâu bò vỗ béo được các thương lái Trung Quốc "mắt nhìn, tay sờ", được "ngã giá", trả tiền rồi đưa về qua biên giới. Mỗi phiên chợ có hàng trăm gia súc được mua bán, từ bê, nghé mới vài tháng tuổi đến trâu, bò nuôi nhiều năm. Một trâu, bò trưởng thành có giá khoảng 30 - 50 triệu đồng/con; con to, đẹp có giá hơn 60 triệu đồng/con. Bê, nghé có giá 10 - 20 triệu đồng/con. Khi mua được trâu bò đã vỗ béo, thương lái Trung Quốc thuê bạn hàng là thương lái Việt Nam chở gia súc bằng xe tải đến tập kết tại một xóm giáp biên của Việt Nam, sau đó thuê người Nùng chở tại đất theo đường mòn qua biên giới sang Trung Quốc. Giá đắt gia súc qua biên khoảng 200-250 nghìn đồng/con. Công việc này thường được tiến hành vào lúc 1-3 giờ sáng.

Khi đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, đường biên giới được kiểm soát chặt chẽ và các điểm biên mậu bị đóng cửa, các thương lái người Hmông, Tày, Nùng ở Việt Nam và người Trung Quốc đã lập những nhóm Zalo, Facebook, Wechat để trao đổi, mua bán gia súc. Người muốn bán gửi ảnh và video giới thiệu hình dáng, cân nặng của trâu, bò lên mạng. Khi hai bên đã thống nhất giá cả, thương lái Trung Quốc sẽ nhờ thương lái bạn hàng Việt Nam giao tiền và giao hàng tại một điểm sát biên giới. Việc mua bán gia súc trên mạng đôi khi dẫn đến rủi ro và mâu thuẫn giữa người bán và người mua do giao dịch diễn ra không trực tiếp, chất lượng gia súc không thật. Dù sao, với việc ứng dụng công nghệ thông tin mới, trong điều kiện biên giới đóng cửa, việc trao đổi, mua bán gia súc xuyên biên giới của người Hmông vẫn được tiếp nối.

### **3.2. Bốc vác, vận chuyển hàng ở cửa khẩu và biên giới**

Hoạt động sinh kế từ việc bốc vác và vận chuyển hàng thuê của các tộc người thiểu số, trong đó có người Hmông ở các xã vùng biên hình thành từ lâu do nhu cầu trao đổi hàng hóa khu vực cửa khẩu. Khi kinh tế cửa khẩu phát triển, lưu lượng hàng hóa nhiều, người tham gia bốc vác, vận chuyển cũng đông lên.

Bốc vác và vận chuyển hàng thuê là hai công việc khác nhau. Bốc vác hàng thuê thường diễn ra ở các cửa khẩu chính ngạch hoặc tại các cửa tiểu ngạch ở cột mốc giáp biên. Người dân vác các thùng/kiện hàng từ xe này sang xe khác với quãng đường rất ngắn, tuy

nhiên các thùng/kiện hàng khá to từ 35-50kg, chủ yếu là hàng nông sản và hàng đông lạnh. Công việc rất vất vả, như câu nói của người dân “bán sức khỏe, mua bệnh tật”. Khi hàng về nhiều, đòi hỏi nhân công bốc vác cả đêm. Tiền công bốc vác tính theo khối lượng hàng hóa, trước năm 2019 là 200 - 250 nghìn đồng/tấn, thu nhập khoảng 7 - 9 triệu đồng/người/tháng. Người bốc vác thuộc nhiều dân tộc, ngoài người Hmông còn có người Tày, người Nùng, thuộc các độ tuổi thanh niên và trung niên, các giới tính đàn ông và phụ nữ, thành phần nông dân và học sinh sống ở các thôn làng giáp biên. Đa số hộ gia đình người Hmông ở thôn Pú Đô đều có người tham gia công việc này. Anh Lầu V.L., Trưởng xóm Pú Đô, xã Quang Hán cho biết: “*Xóm có 66 hộ thì 64 hộ tham gia bốc vác hàng hóa tại khu vực cửa khẩu. Để hoạt động ổn định, thôn chia các thành viên thành 4 tổ, mỗi tổ 16 người. Các thành viên của từng tổ được giao công việc rõ ràng và luân phiên theo ca*” (PVS, 11/2021).

Vận chuyển hàng thuê, còn gọi là công hàng thuê, do hàng hóa vận chuyển thuê được khoác sau lưng qua vai, diễn ra ở hai bên đường biên giới, thường là vận chuyển hàng lậu. Hàng được vận chuyển là những thùng/kiện hàng, mỗi thùng/kiện nặng 20-25kg. Mỗi người vác 2 thùng/kiện/chuyến. Mỗi chuyến kéo dài 30- 40 phút. Lộ trình vận chuyển là từ bên này qua bên kia biên giới, địa hình rừng núi hiểm trở. Giá vác thuê 100.000 đồng/thùng, Anh Lầu V.T., sinh năm 1982, dân tộc Hmông ở bản Pú Đô cho biết: “*Đêm nào nhiều hàng có thể kiếm được 500 ngàn đến 1 triệu đồng*”.

Vận chuyển hàng hóa đem lại thu nhập cao nhưng tiềm ẩn nhiều nguy hiểm và rủi ro, nhất là vận chuyển hàng lậu thuê qua đường rừng núi. Do luôn diễn ra vào ban đêm nên chỉ có đàn ông mới tham gia công việc này. Thời điểm vận chuyển thường diễn ra vào khoảng 1- 2 giờ sáng. Không quen đường, người vận chuyển hàng rất dễ bị tai nạn do ngã hay do trượt chân rơi theo sườn núi. Nếu rủi ro bị công an, bộ đội biên phòng Trung Quốc hay Việt Nam bắt giữ thì không những không được trả tiền công, mà đôi khi còn phải nộp phạt cho chủ hàng. Từ tháng 8/2021 khi dịch COVID bùng phát phức tạp, dù cửa khẩu bị đóng cửa, an ninh đường biên được kiểm soát chặt hơn, nhưng thì thoảng người dân vẫn đi vận chuyển hàng lậu ban đêm. Thông tin từ người dân cho biết, đã có người vận chuyển hàng thuê bị công an, bộ đội biên phòng bắt hoặc bị tai nạn thương tật. Chưa kể đi bốc vác thuê trong thời gian đại dịch diễn ra phức tạp đồng nghĩa phải đối mặt với nguy cơ lây nhiễm COVID-19 cao, gây khó khăn cho cộng đồng và chính quyền địa phương trong phòng chống dịch bệnh.

### **Kết luận**

Sống trong điều kiện thiếu đất, thiếu nước canh tác ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, người Hmông ở thôn Pú Đô nói riêng và ở tỉnh Cao Bằng nói chung đã chủ động, sáng tạo trong việc tìm ra các thích ứng sinh kế phù hợp để ổn định và phát triển kinh tế, bao gồm cả cải biến sinh kế truyền thống và hình thành sinh kế mới.

Trong sinh kế trồng trọt, để tận dụng tối đa tiềm năng đất sản xuất, người Hmông đã

một mặt khai hoang tận dụng đất hoang hóa, mua đất, thuê đất của các tộc người cận cư để mở rộng diện tích đất sản xuất, mặt khác chuyển đổi mục đích sử dụng đất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng để tăng năng suất và sản lượng cây trồng, đặc biệt là thích ứng trong việc chuyển mục đích sử dụng đất từ trồng trọt cây lương thực sang trồng cỏ voi để phát triển chăn nuôi.

Trong sinh kế chăn nuôi, để phù hợp với kinh tế thị trường vùng biên giới, người Hmông đã tận dụng cơ hội phát triển chăn nuôi gia súc trâu bò vỗ béo để trao đổi trong nước và qua biên giới Trung Quốc, đem lại nguồn thu đáng kể cải thiện và nâng cao đời sống cho nhiều hộ gia đình.

Mua bán, trao đổi gia súc vỗ béo trong nước và qua biên giới, bốc vác và vận chuyển hàng hóa xuyên biên giới là hai hình thức sinh kế và thích ứng sinh kế đặc thù, nổi bật của người Hmông thôn Pú Dô. Dù trong sinh kế bốc vác và vận chuyển hàng thuê tiềm ẩn những rủi ro, nhưng cả hai hoạt động trên cho thấy khả năng thích ứng sinh kế cao của người Hmông trong bối cảnh kinh tế thị trường và đại dịch COVID-19 ở vùng biên giới.

Người Hmông có những hoạt động mưu sinh xuyên biên giới khác nhau nhưng ít quan hệ kinh tế với đồng tộc mà chủ yếu với các nhóm tộc người Choang bên kia biên giới. Mỗi liên hệ đồng tộc xuyên biên giới trong hoạt động sinh kế mờ nhạt do địa bàn cư trú của người Hmông thôn Pú Dô nói riêng và người Hmông tỉnh Cao Bằng nói chung cách xa nơi cư trú của đồng tộc bên Trung Quốc.

Có thể thấy, các hoạt động mưu sinh của người Hmông ở thôn biên giới Pú Dô, xã Quang Hán, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng khá đa dạng, phản ánh cách ứng xử riêng với môi trường sống và điều kiện kinh tế địa phương của tộc người nghiên cứu. Tuy vẫn duy trì hoạt động trồng trọt trên nương khô và ruộng nước nhưng người Hmông có những thích ứng riêng trong việc mở rộng diện tích đất sản xuất, lựa chọn giống cây trồng, thay đổi kỹ thuật canh tác, để nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng. Hoạt động chăn nuôi cũng thể hiện sự thích ứng của người Hmông trước tình hình dịch bệnh, đặc biệt đã chuyển đổi từ chăn nuôi trâu bò sinh sản, lấy sức kéo sang chăn nuôi gia súc “vỗ béo” để có vật nuôi hàng hóa bán sang Trung Quốc, đem lại thu nhập quan trọng cho các hộ gia đình giai đoạn trước dịch COVID-19. Cùng với đó, do đặc thù vùng biên giới nên hoạt động mưu sinh phi nông nghiệp của người Hmông tại thôn Pú Dô và các xã giáp biên Cao Bằng dần đa dạng với các sinh kế như trao đổi mua bán trâu bò, bốc vác, vận chuyển hàng hóa,... Tất cả tạo nên bức tranh sinh kế truyền thống kết hợp sinh kế mới đa dạng, phản ánh tính thích nghi cao ở người Hmông vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc địa phận tỉnh Cao Bằng. Trong những năm dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, các hoạt động sinh kế của người dân gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi chính quyền địa phương cần có những chính sách, giải pháp phù hợp để hỗ trợ đồng bào ổn định và phát triển sinh kế bền vững trong và sau đại dịch này.

**Tài liệu tham khảo**

1. Forsyth, T. and J. Michaud (2011), “Rethinking the Relationships between Livelihoods and Ethnicity in Highland China, Vietnam, and Laos” In: *Moving Mountains: Ethnicity and Livelihoods in Highland China, Vietnam, and Laos*, edited by Jean Michaud and Timothy Forsyth, pp. 1-27, Vancouver, University of British Columbia Press.
2. Trần Hồng Hạnh (2018), *Chuyển đổi sinh kế của các dân tộc thiểu số ở vùng biên giới Việt - Trung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Hapke, H. M. and D. Ayyanketil (2004), “Gender, the Work-life Course, and Livelihood Strategies in a South Indian Fish Market”, *Gender, Place, and Culture* 11 (2), pp. 239-56.
4. Harrell, S. (2002), *Ways of Being Ethnic in Southwest China*, Seattle, University of Washington Press.
5. Mueggler, E. (1998), “Procreative Metaphor and Productive Unity in an Yi Headmanship”, *Journal of the Royal Anthropological Institute* 4 (2), pp. 235-53.
6. Hoàng Ngôi (2018), *Chú trọng lựa chọn giống cây trồng*, trên trang: <http://caobangtv.vn/tin-tuc-n17448/chus-trongji-lua-chon-giong-cay-trong.html> (Truy cập ngày 8/1/2020).
7. Rambo, T. A. and N. L. Jamieson (2003), “Upland Areas, Ethnic Minorities, and Development.” In: *Postwar Vietnam: Dynamics of a Transforming Society*, edited by Hy Van Luong, pp. 139-70, Oxford, Rowman & Littlefield.
8. Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.